

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 24/01/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyên.
2. Ông Nguyễn Tiến Tập.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST - DS ngày 02/10/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐST - DS ngày 15/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐXXST - DS ngày 04/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 2, khu P, phường P, TP U, Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Cao T, Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 3, khu H, phường P, TP U, Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 13/8/2015, bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Cao T có ký kết hợp đồng vay tiền theo đó anh T vay của bà L số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Thời hạn vay: Kể từ ngày 13/8/2015 đến ngày 12/11/2016. Lãi suất 12%/năm tính từ ngày nhận tiền. Hợp đồng vay tiền đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh.

Quan điểm của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L: Thời hạn vay theo hợp đồng: 03 tháng từ ngày 13/8/2015 tuy nhiên do lỗi đánh máy nên G nhầm thời hạn vay từ 13/8/2015 đến ngày 12/11/2016. Bà L chấp nhận thời hạn vay của anh T là từ 13/8/2015 đến ngày 12/11/2016. Ngày 13/8/2015, anh T nhận đủ số tiền vay 70.000.000đ (Bảy

mười triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã trả cho bà L tiền lãi từ tháng 8/2015 đến hết năm 2015 là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Đối với số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) anh T đã trả được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Cụ thể:

- Vào giữa năm 2016 (bà L không nhớ cụ thể ngày nào): Do anh T bán gạch nên đã trả cho bà L một vạn hai nghìn viên gạch tương ứng với 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Vào Tết Nguyên Đán năm 2016, anh T có nhờ mẹ là bà Vũ Thị G trả cho bà L 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Như vậy đến nay anh T còn nợ bà L 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ đầu năm 2016 cho đến nay. Bà L đã nhiều lần đến nhà anh T đòi số tiền trên nhưng anh T trốn tránh không gặp. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L yêu cầu anh T có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và số tiền lãi phát sinh đến nay là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Ngày 10/11/2017, bà L có đơn xin rút một phần khởi kiện đối với khoản lãi phát sinh là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Nay, bà L yêu cầu Tòa án buộc anh T có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) còn số tiền lãi phát sinh từ đầu năm 2016 đến nay bà L không yêu cầu.

Quan điểm của bị đơn anh Nguyễn Cao T: Anh T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án, triệu tập tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa tuy nhiên vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của người làm chứng bà Vũ Thị G: Anh Nguyễn Cao T là con đẻ của bà G. Bà G được biết ngày 13/8/2015 anh T có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền mặt 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Lãi suất 12% năm. Thời hạn vay từ 13/8/2015 đến 12/11/2016. Đối với khoản vay này của anh T thì vào dịp Tết Nguyên đán năm 2016 anh T có đưa bà 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và nhờ bà G trả nợ thay cho bà L. Bà G đã đưa số tiền 5.000.000đ cho bà L (có biên nhận của bà L về việc nhận số tiền này). Ngoài ra trong quá trình kinh doanh gạch xây dựng anh T còn trả cho bà L một vạn hai nghìn viên gạch tương ứng với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngoài ra, anh T còn trả được bao nhiêu tiền cho bà L nữa thì bà G không được biết. Anh T con trai bà hiện đang làm ăn ở xa thỉnh thoảng mới về nhà. Bà G cam đoan lời khai của mình là đúng, nếu sai bà G xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

**Về thủ tục tố tụng:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký: Việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký phiên tòa đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 49, Điều 51 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

** Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc anh Nguyễn

Cao T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ số nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nGên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Nguyễn Cao T và cung cấp các tài liệu kèm theo làm cơ sở khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Cao T có nơi cư trú tại tổ 3, khu H, phường P, TP U. Anh Nguyễn Cao T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú như vậy mục đích của anh T nhằm cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Như vậy, đối chiếu quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Uông Bí - Quảng Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) HĐXX nhận thấy: Hợp đồng vay tiền ngày 13/8/2015 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị L và bên vay là anh Nguyễn Cao T, số tiền vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Hợp đồng vay tiền đã được Công chứng tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh. Thỏa thuận trong hợp đồng này là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực, bên cho vay là bà Nguyễn Thị L đã giao đủ tiền, bên vay là anh Nguyễn Cao T đã nhận đủ tiền. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, anh T đã trả được cho bà L 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc còn lại số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) chưa trả được. Như vậy, việc bà L khởi kiện đòi khoản nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

Hợp đồng vay tiền ngày 13/8/2015 giữa bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Cao T là hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu về lãi suất đối với khoản vay nên HĐXX không đề cập xử lý.

[3] Về án phí:

Anh Nguyễn Cao T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $50.000.000đ \times 5\% = 2.500.000đ$ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 227; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Cao T về yêu cầu trả nợ gốc.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Cao T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ số nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Anh Nguyễn Cao T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000095 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu quy định thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải